

## Vài nét về

# LỄ HỘI CẦU NGƯ Ở QUẢNG NAM

TÔN THẤT HƯƠNG\*

Quảng Nam có hơn 120 km bờ biển, với 20 làng xã, kéo dài từ Điện Ngọc, giáp bãi biển Non Nước- thành phố Đà Nẵng đến giáp vịnh Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi. Biển Quảng Nam không những phong phú và đa dạng về sinh học biển, được thiên nhiên ban tặng nhiều loại đặc sản tươi nguyên mà còn là kết tinh, hội tụ, giao thoa và tiếp biến những hoạt động văn hoá dân gian đặc trưng của cư dân miền biển. Tìm đến văn hoá dân gian miền biển Quảng Nam là tìm tới đời sống của người dân lao động miền biển với tất cả sự mộc mạc, chất phác như vốn có trong cuộc sống của họ. Đối với ngư dân, sống với sông nước và sóng biển bao quanh, họ phải luôn đối chọi với tất cả bão tố ập đến với họ bất cứ lúc nào, cuộc sống của họ tiếp cận hoàn toàn với thiên nhiên bao la.

Những cư dân miền biển Quảng Nam phần lớn đều có nguồn gốc từ các tỉnh Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Nghệ An và một số nhỏ từ Nam Định, Hải Dương, Hưng Yên vào đây theo những đợt di dân khác nhau, rầm rộ và đông đảo nhất từ thế kỷ XV- XVII. Để sinh tồn, họ gắn bó với sông nước, lập thành những vạt chài. Đó chính là những cư dân đầu tiên tạo thành làng xã miền biển Quảng Nam. Sau này, vùng đất đã khai phá ngày càng trở nên chật chội, những cư dân mới đến hoặc những người ngư cư, dân nghèo có xu hướng đi lặn ra những vùng cát ven biển, bọ bắt đầu khai phá, định cư trên

những bãi cát trắng này và trở thành những cư dân vùng ven biển. Cả nột vùng biển dài của Quảng Nam được khai phá dần dần, với những cư dân chủ yếu sống bằng nghề nông và nghề biển. Nhờ có ý chí và nghị lực, vượt qua biết bao sóng gió, họ đã cố kết lại để khai hoang lập nghiệp và do tác động của môi trường, điều kiện sống, họ luôn coi trọng và bảo vệ đến cùng những thành quả của mình, chống lại mọi thế lực cản trở. Tinh thần, ý chí ấy đã trở thành truyền thống yêu quê hương, làng xóm, kiên cường bám đất giữ làng.

Quá trình hình hành và phát triển của cộng đồng cùng với những đặc điểm về địa lý và lịch sử đã sản sinh ra nhiều giá trị văn hóa phi vật thể phong phú và độc đáo, đó là phong tục, tập quán, tín ngưỡng dân gian riêng. Một trong những hoạt động văn hoá tinh thần độc đáo của cư dân nơi đây chính là Lễ hội Cầu Ngư- lễ hội miền biển lớn nhất của ngư dân. Tuy có nhiều tên gọi khác nhau như lễ hội nghinh Ông, lễ rước cốt Ông, lễ tế cá Ông, lễ cúng cá Ông, lễ nghinh ông Thủy tướng, nhưng tất cả đều có chung một quan niệm rằng, cá "Ông" là sinh vật thiêng của biển, là cứu tinh đối với những người đánh cá và làm nghề trên biển nói chung. Lễ hội Cầu Ngư ở Quảng Nam là một sinh hoạt dân gian thể hiện ước vọng an lành, may mắn trong những chuyến giông buồm ra khơi đánh bắt hải sản; lễ hội còn thể hiện sự cố kết cộng đồng cư dân ngư nghiệp, tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau trong lao động và sản xuất trước mệnh mông sông gió giữa đại dương bao la.

\* TRUNG TÂM QUẢN LÝ DI TÍCH VÀ DANH THẮNG QUẢNG NAM

Lễ hội cầu Ngư ở Quảng Nam thường được tổ chức ở hầu hết các xã ven biển với ý nghĩa gần giống nhau nhưng quy mô và thời gian tổ chức lại tùy thuộc vào từng địa phương: xã Cẩm An, thành phố Hội An, thì Lễ hội Cầu Ngư được tổ chức hai lần trong năm vào các ngày 16/2 và 16/8, xã Duy Vinh, huyện Duy Xuyên, vào các ngày 20/2 và 20/7, xã Bình Hải, huyện Thăng Bình, vào các ngày 15/3 và 20/12, xã Tam Quang, huyện Núi Thành, vào ngày 1/6, xã Điện Dương, huyện Điện Bàn, vào ngày 24/4 và xã Tam Thanh, thành phố Tam Kỳ, thì vào ngày 1/4.

Theo truyền thống, lễ hội được diễn ra trong thời gian 3 ngày đêm. Ngày đầu tiên có nghi thức lễ cúng, trần thiết bài vị, rồi tiến hành theo lễ nghinh Ông; ngày thứ hai diễn ra nghi thức đại lễ tế thần cùng các trò diễn: chèo bả trạo, hội xây châu hát bội, hát dâng... Các trò dân gian khác của ngư dân miền biển, diễn ra trong ngày thứ ba và có khi đan xen trong thời gian hành lễ của ngày đầu tiên và thứ hai.

Nghi thức lễ nghinh Ông còn gọi là nghinh thần, có nơi thực hiện lễ nghinh Ông cả dưới biển lẫn trên bờ, còn gọi là nghinh Thủy lục. Thông thường lễ hội nghinh Ông có lễ rước và lễ tế. Lễ rước kiệu của Nam Hải Tướng quân xuống thuyền ra biển, dọc theo đường rước, ngư dân sống trên biển và bà con nghênh đón. Cùng với thuyền rước thủy tướng, có nhiều ghe lớn nhỏ tháp tùng ra biển nghênh Ông. Cuối cùng đoàn rước quay về nơi xuất phát, rước Ông về làng.

Lễ tế diễn ra trang trọng sau lễ rước với nghi thức cổ truyền. Các lễ cầu an, xây châu đại bội, hát bội diễn ra tại làng Ông. Lễ chánh tế được tiến hành vào lúc nửa đêm ngày thứ hai đến rạng sáng ngày thứ ba. Bắt đầu lễ Cầu Ngư, vị chủ xướng tuyên bố khởi lễ. Sau phần giới thiệu là bài văn tế kể về quá trình hình thành vùng đất quê hương và ý nghĩa thiêng liêng của tục lệ Cầu Ngư. Tất cả mọi người dự lễ đều thành kính dâng trọn niềm tin sâu sắc và lòng biết ơn đối với biển. Phần tế theo nghi thức, đọc văn tế ca ngợi công đức của thần, cầu thần ban cho vạn chài mùa bội thu, thuyền ra khơi xuôi chèo mát mái, khi trở về tôm cá đầy ghe. Phần tiếp theo là lễ cúng, dâng lên bàn thờ mâm lễ vật gồm hoa quả, heo quay và một số món khác, nhưng

tuyệt nhiên không có bất kỳ loại hải sản nào. Khi vị chủ lễ lên chủ trì phần cúng, thì có một vị cao niên, có tinh thần và trí tuệ minh mẫn, đọc bài văn cúng gồm có ba phần: mở đầu là cúng cá Ông, tiếp theo là lễ cúng Tiên hiền, Hậu hiền, những bậc tiền nhân có công lập nên làng xã và cuối cùng là cúng âm linh cô bác (còn gọi là cô hồn, âm hồn). Nội dung văn tế cô hồn biểu hiện sự thương yêu những kẻ bất hạnh và lòng nhân ái của con người đối với những vong hồn người khốn khổ đã khuất. Lễ cúng kéo dài gần một giờ, sau đó là phần Cầu Ngư.

Gắn với tín ngưỡng thờ cá Ông, lễ hội Cầu Ngư góp phần giải tỏa tinh thần của cộng đồng và cá nhân. Mặt khác, đây là dịp để cộng đồng tri ân với đất trời, với thần linh, với thế hệ tiền nhân đi trước, những người có công trong việc phát triển nghề cá, đồng thời là dịp hội ngộ bằng hữu xóm làng vùng quê ven biển.

Trong Lễ hội Cầu Ngư, nếu phần lễ nghi diễn ra long trọng, trang nghiêm, thành kính thì phần sinh hoạt văn hóa diễn xướng lại diễn ra vui vẻ, náo nhiệt và lôi cuốn rất nhiều người tham gia, nhất là màn hát múa bả trạo. Hát bả trạo ở Quảng Nam là một hình thức diễn xướng tập thể trên cạn. "Bả" có nghĩa là nắm chặt; "trạo" có nghĩa là chèo. Bả trạo là nắm chặt tay chèo, thể hiện ý chí vững bền của ngư dân trên biển cả, sẵn sàng đối phó với phong ba. Nội dung hát múa bả trạo kể lại công đức của cá Ông đã ra ơn giúp đỡ người đi biển trong cơn hoạn nạn, nói lên sự chịu đựng gian khổ, đồng lòng, đồng sức, khát vọng được mùa, ấm no của ngư dân.

Có thể nói, trong lễ hội cúng cá Ông, chèo hát bả trạo giữ một vị trí quan trọng trong nghi thức lễ hội, là sinh hoạt tâm linh và văn hoá dân gian đầy bản sắc của cư dân vùng biển. Màn múa hát bả trạo được trình diễn và khởi xướng bởi ba người được chọn lựa rất kỹ, đó là ba ông Tổng: Tổng mũi đứng trên, tay cầm trống lệnh chỉ huy toàn đội hát. Tổng thương, hay còn gọi là tổng trung, đứng sau tổng mũi, có nhiệm vụ nấu bếp, tát nước, mua bán. Tổng lái đứng sau cùng, cầm chèo, lúc sang phải lúc sang trái, giống như đang lái con thuyền. Những người khác tham gia gọi là bạn chèo, lập thành đội chèo. Tùy từng địa phương, mỗi đội chèo thường có từ 12 đến 16 người, cũng có khi lên



Hát Bả trạo trong Lễ hội Cầu Ngư ở Quảng Nam - Ảnh: Tác giả

đến 18 hoặc tối đa là 20 người, đặc biệt số người tham gia đội chèo bao giờ cũng là số chẵn để cân xứng và trình diễn dễ dàng hơn. Các bạn chèo đầu chít khăn đỏ, lưng thắt vải đỏ, tay cầm chèo được phết sơn đủ màu... Cả đội bả trạo đều thể hiện động tác mô phỏng sinh hoạt của cộng đồng cư dân nghề biển.

Đội nhạc thường gồm trống châu, trống cơm, phách, kèn tiểu, kèn trung, đờn cò... Ca nhạc và vũ đạo hoà quyện rất nhịp nhàng với nhau như một hình thức sân khấu có tuồng tích. Động tác múa và chèo thuyền được cách điệu thành con thuyền đang vượt sóng.

Chèo hát bả trạo phản ánh tâm tư tình cảm của ngư dân, rất gần gũi với sinh hoạt đời thường. Tuy là hình thức diễn xướng dân gian có phần mang màu sắc tín ngưỡng phồn thực, sinh hoạt tâm linh, nhưng lời ca, điệu hát thường sử dụng vốn âm nhạc dân gian địa phương như: hò khoan, hò giục chèo, hò hụi, hò rị, hò chèo thuyền... để đưa vào trong kết cấu câu chèo, góp phần làm giảm tính bi ai vốn có trong tế lễ.

Các bài hát múa bả trạo được xây dựng theo một mô hình, trình thức tương đối chặt chẽ, còn

phần lời thì có những thay đổi, gia giảm phù hợp với kỳ cúng, quy mô và bối cảnh xã hội.

Sau khi hàng ngũ đã chỉnh tề, vị chủ xướng ra lệnh bắt đầu, thì tiếng trống, tiếng chiêng vang lên rộn rã báo hiệu cuộc diễn bắt đầu. Lúc này Tổng mũi bắt đầu hô to: "Bớ bả trạo", lập tức các bạn chèo đồng thanh hô vang: "Dạ" và Tổng mũi mở đầu phần hát bả trạo bằng những câu:

"Hôm nay là ngày Lễ Ông cuối vụ  
Con cháu ta tụ họp về đây  
Chỉnh đốn xiêm y trang phục đủ đầy  
Để tưởng niệm và tôn kính thần linh Nam Hải."

Hòa theo lời hát của Tổng mũi, các Tổng khác nhún nhảy theo nhịp trống phách, làm điệu bộ cổ vũ cho các bạn chèo nhanh nhanh tay chèo cho thuyền vượt sóng.

Sự đồng tâm hiệp lực để vượt qua những thử thách nghiệt ngã của thiên nhiên, biển cả và cuộc sống được phản ánh rất rõ ở tiếng hô bao giờ cũng cùng một cao độ của Tổng mũi, Tổng lái, Tổng thương và bạn chèo.

Nội dung và ý nghĩa của những cuộc diễn

xướng, hát múa bả trạo ở Quảng Nam đều xoay quanh việc ca ngợi và bày tỏ niềm tiếc thương đối với cá Ông. Lòng thành kính đối với cá Ông được thể hiện rõ nét trên khuôn mặt của những người tham gia diễn xướng. Tất cả họ đều nghiêm trang, nhịp nhàng chèo chiếc thuyền linh thiêng, đưa cá Ông về miền Cực lạc:

"On ngài như biển rộng trời cao  
Chúng con ghi tâm tạ dạ  
Đời nào lãng quên!"

Ngoài nghi thức dân gian đối với cá Ông ra, hát bả trạo còn thể hiện những tâm tư, tình cảm mộc mạc, chân thành của những ngư dân vùng biển đối với thiên nhiên, với đại dương bao la mênh mông sóng nước:

"Mây giăng mù mịt  
Giông chớp sáng lòa  
Từ ải Vân cho đến Sơn Trà  
Trông bốn phía ngàn trùng sóng nước..."

Cũng như cầu mong cho trời yên, bể lặng, sóng nước hiền hòa, những chuyến ra khơi thật sự thanh bình, cá tôm đầy ắp:

"Thuyền trôi một chiếc giữa trời  
Gió trắng bâng lảng nước trời mênh mông."

Hình thức diễn xướng, hát múa bả trạo ở Quảng Nam luôn gắn liền với tín ngưỡng thờ cúng cá Ông, tuy mang đậm màu sắc đượm buồn, bị ai nhưng không hề bị lụy. Thông qua đó, những người dân thể hiện tâm tư, tình cảm, nguyện vọng trước cảnh đẹp, sự trù phú của biển cả, trước tấm lòng cứu nhân độ thế của cá Ông. Qua những câu hò, điệu hát trong diễn xướng, ta cũng có thể cảm nhận được tinh thần lạc quan, tin yêu cuộc sống, yêu nghề của những ngư dân vùng biển trước bao gian khó, rủi ro như sóng to gió lớn, bão bùng.

Trong chương trình lễ hội, được nhiều người chờ đợi là giải đua thuyền truyền thống, được tổ chức hằng năm dành cho ngư dân các xã miền biển Quảng Nam.

Ngày 1/4, ngay từ sáng tinh mơ, khi biển cả còn như một chảo sữa khổng lồ đầy ắp sương mù, thì từng đoàn người, ghe thuyền ở địa phương và cả các xã lân cận như Tam Phú, Tam Thanh, Tam Thăng của thành phố Tam Kỳ, Bình Nam, Bình Hải ở Thăng Bình đổ về cảng cá Tam Giang, huyện Núi Thành để cùng hòa chung niềm vui của không khí lễ hội truyền thống miền biển. Trong dòng người tìm về, rất

để bắt gặp những cái nhìn lạ lẫm của các du khách lần đầu tham gia lễ hội. Du khách đến đây, không chỉ được sống trong bầu không khí rộn rã mà còn được đắm mình trong không gian văn hoá làng chài ven biển.

Đến dự lễ hội, ai nấy đều hào hứng khi được chứng kiến những đôi tay khỏe khoắn, dẻo dai của những ngư dân quen sóng gió, tung dầm, phăng phăng chèo những con thuyền đầy màu sắc. Sau tiếng pháo hiệu, từ điểm xuất phát, những chiếc thuyền đua vun vút lao về phía trước. Từng nhịp đều đặn trong tiếng hô nhịp nhàng và không thiếu sự mạnh mẽ. Phụ nữ miền biển cũng chứng tỏ sự dẻo dai, tháo vát khi tham gia góp vui với những mái chèo nhịp nhàng nhưng không kém phần khoẻ khắn. Và, đây cũng là dịp tạo thêm sức mạnh tinh thần cho những người thân trước những chuyến đi nhọc nhằn giữa biển khơi. Trước đó, từ ngày 29 đến 31/3, người dân của 4 xã vùng biển huyện Thăng Bình cũng hòa mình vào không khí tung bùng của lễ hội. Một góc làng chài Bình Dương, huyện Thăng Bình, bỗng náo nhiệt trước những trò truyền thống như thi lắc thúng chai, đua thuyền, kéo co. Thông qua lễ hội, người xem có những giây phút lắng lòng trong những lời cầu tế, trong câu hát bả trạo, gọi cảm giác giao hòa với thiên nhiên. Sự giao thoa giữa trời, người và biển cũng dậy lên trong lòng mỗi người.

Lễ hội Cầu Ngư là sinh hoạt văn hóa tâm linh không thể thiếu của cư dân dọc vùng ven biển trước những vụ ra khơi. Người dân miền biển quan niệm "cá Ông" là thần biển "Nam Hải cự tộc ngọc lân tôn thần", là vị ân nhân chở che cho ngư dân trước những cơn nguy biến. Và, lễ hội truyền thống hằng năm luôn được duy trì từ đời này sang đời khác, để người dân được dịp sống trong bầu không khí của giá trị văn hóa miền biển có từ lâu đời. Rào rạt sóng vỗ từ sông Hoài, Trường Giang hướng ra biển cả, những lão ngư cùng những ngư dân trẻ mang theo câu hò bả trạo ra khơi. Biển trong giấc mơ của sóng có những lời nguyện cầu bình yên, được mùa tôm cá. Biển với những làng nghề cá không chỉ là nơi trú ngụ, chỗ che cho những cư dân quen ăn sóng nói gió mà còn là nơi lưu giữ những giá trị văn hoá độc đáo của những cư dân miền biển Quảng Nam./.